

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15-5-2020

V/v: “*Không công nhận vợ
chồng giữa chị L và anh S*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thành Sang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hoàng Hải**

2. Bà **Nguyễn Thị Huệ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về “*Không công nhận vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Mỹ L**, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Th, xã Th, huyện C, TP.Cần Thơ.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1971 (xin XX vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Th, xã Th, huyện C, TP.Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ L trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 1990 chị và anh Nguyễn Văn S quen biết nhau. Sau thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau và được sự đồng ý của cha, mẹ gia đình hai bên nên chị và anh S đã cưới nhau, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với cha, mẹ chồng tại ấp Th, xã Th, huyện C, thành phố Cần Thơ và sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do anh S có người phụ nữ khác bên ngoài, không quan tâm, chăm sóc

vợ con. Khi sự việc xảy ra, chị đã nhiều lần khuyên can, tha thứ và mong anh S sửa đổi để cùng chị chăm sóc con, nhưng anh S không hề sửa đổi. Đến năm 2017, chị bắt gặp anh S tiếp tục quan hệ với người phụ nữ này nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, anh S không hề sửa đổi và cũng không lần nào yêu cầu được đoàn tụ. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống như thế không đem lại hạnh phúc cho cả hai nên chị khởi kiện yêu cầu không công nhận Lê Thị Mỹ L và Nguyễn Văn S là vợ chồng.

- Về con chung: Có ba con chung tên Nguyễn Thanh Sang (nam), sinh ngày 07/6/1992; Nguyễn Thanh Tuấn (nam), sinh ngày 15/10/1996; Nguyễn Thị Kim Thanh (nữ), sinh ngày 10/9/1998. Các con đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 1990 anh và chị Lê Thị Mỹ L quen biết nhau. Sau thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau và được sự đồng ý của cha, mẹ gia đình hai bên nên anh và chị L đã cưới nhau, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với cha, mẹ anh tại ấp Th, xã Th, huyện C, thành phố Cần Thơ. Trong thời gian chung sống, anh có làm lỡ là có người phụ nữ khác, nhưng khi chị L phát hiện anh từ bỏ, không còn liên lạc hay quan hệ gì với người phụ nữ này. Tuy nhiên, chị L không đồng ý nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay anh cũng thống nhất, yêu cầu không công nhận Lê Thị Mỹ L và Nguyễn Văn S là vợ chồng.

- Về con chung: Có ba con chung tên Nguyễn Thanh Sang (nam), sinh ngày 07/6/1992; Nguyễn Thanh Tuấn (nam), sinh ngày 15/10/1996; Nguyễn Thị Kim Thanh (nữ), sinh ngày 10/9/1998. Các con đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị Mỹ L khởi kiện anh Nguyễn Văn S có địa chỉ tại ấp Th, xã Th, huyện C, thành phố Cần Thơ với yêu cầu không công nhận chị L và anh S là vợ chồng nên xác định quan hệ pháp luật là

“Không công nhận vợ chồng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Thủ tục tố tụng: Khi tiến hành xét xử, anh Nguyễn Văn S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh S theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ L và anh Nguyễn Văn S cưới nhau vào năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Trong thời kỳ hôn nhân, giữa chị L và anh S xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất hòa không thể hàn gắn nên chị L yêu cầu không công nhận chị L và anh S là vợ chồng, anh S cũng thống nhất với yêu cầu khởi kiện của chị L. Xét yêu cầu khởi kiện của chị L và ý kiến của anh S, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị L và anh S không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh, chị không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận chị L và anh S là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Giữa chị L và anh S có ba con chung tên Nguyễn Thanh Sang (nam), sinh ngày 07/6/1992; Nguyễn Thanh Tuấn (nam), sinh ngày 15/10/1996; Nguyễn Thị Kim Thanh (nữ), sinh ngày 10/9/1998. Xét thấy các con đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nghĩa vụ chung: Ghi nhận lời khai của đương sự là không có, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[2.5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Mỹ L phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 51; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ L đối với anh Nguyễn Văn S.

1.1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Mỹ L và anh Nguyễn Văn S.

1.2. Về con chung: Ba con chung đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

1.4. Về nghĩa vụ chung: Ghi nhận lời khai của đương sự là không có, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp theo biên lai số 013021 ngày 26 tháng 02 năm 2020 thành án phí.

3. Tuyên án công khai. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Thới Đông, huyện Cờ Đỏ;
- Phòng Tư pháp huyện Cờ Đỏ;
- TAND TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thành Sang

